|  |  |
| --- | --- |
| BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y KHOA HÀ NỘI** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUNG CẤP**

*(Ban hành theo Quyết định số 40b/QĐ-CĐYKHN, ngày 27 tháng 6 năm 2022*

*của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y khoa Hà Nội)*

**Tên ngành: Y SĨ ĐA KHOA**

**Mã ngành:** 5720101

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

**Thời gian đào tạo:** 02 năm

**1. Mục tiêu đào tạo**

***1.1. Mục tiêu chung***

Y sĩ trình độ trung cấp là ngành nghề về chăm sóc sức khỏe người bệnh, có khả năng quản lý, khám và điều trị một số bệnh thông thường theo quy định, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Y sĩ là người đảm nhận nhiệm vụ:

* Tuyên truyền vận động, triển khai thực hiện các biện pháp chuyên môn về bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em và kế hoạch hóa gia đình;
* Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường cho nhân dân tại trạm y tế và quản lý sức khỏe cộng đồng khu vực phụ trách;
* Xây dựng kế hoạch hoạt động và lựa chọn chương trình ưu tiên về chuyên môn y tế trong phạm vi phụ trách;
* Xây dựng tủ thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn và hợp lý, có kế hoạch quản lý các nguồn thuốc; xây dựng phát triển thuốc nam, kết hợp ứng dụng y học dân tộc trong phòng và chữa bệnh;
* Phát hiện và báo cáo kịp thời bệnh dịch, ổ dịch, tác nhân gây bệnh, yếu tố nguy cơ gây dịch, bệnh đối với sức khỏe cộng đồng;
* Tham gia tổ chức phòng chống dịch, bệnh, biện pháp ngăn ngừa nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng;
* Quản lý các chỉ số sức khỏe, quản lý thai, quản lý bệnh nhân mãn tính theo chỉ định của bác sĩ tại cộng đồng và tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác theo quy định của pháp luật;
* Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn kỹ thuật cho nhân viên y tế thôn, bản, cộng tác viên y tế/dân số tại cộng đồng;
* Tham mưu cho chính quyền xã, phường, thị trấn và cấp có thẩm quyền trong việc quản lý, thực hiện các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu và tổ chức thực hiện những nội dung chuyên môn thuộc chương trình trọng điểm về y tế tại địa phương.

Để hành nghề, người y sĩ phải có sức khỏe tốt, có ý đức, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức về chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

***1.2 Mục tiêu cụ thể***

*a) Về kiến thức:*

* Trình bày được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập bệnh án một số bệnh thông thường cho người bệnh ;
* Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành khám bệnh;
* Giải thích được quá trình dược động học của thuốc, tác dụng của thuốc, quy chế sử dụng thuốc để sử dụng thuốc hợp lý và an toàn;
* Trình bày được kiến thức về vi ký sinh để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh;
* Trình bày được sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khoẻ con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khoẻ.
* Trình bày được Luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân
* Phân tích được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp;
* Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

*b) Về kỹ năng*

* Thực hiện được việc thăm, khám và chữa một số bệnh, chứng bệnh thông thường.
* Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu, tại tuyến y tế cơ sở.
* Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng.
* Chuyển tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y tế cơ sở.
* Tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch.
* Truyền thông giáo dục sức khoẻ; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khoẻ ở tuyến y tế cơ sở.
* Quản lý trạm y tế xã.
* Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản;
* Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh;
* Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh;
* Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng;
* Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
* Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

*c) Về mức độ tự chủ và trác nhiệm:*

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của cá nhân.

* Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y sĩ và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.
* Thận trọng, tỉ mỉ, tự chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm.

***1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp***

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

* Y sĩ tại trạm y tế, phòng khám, công ty, cơ quan, trường học;
* Y sĩ cộng đồng.

**2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:**

- Số lượng mô đun: 34 mô đun

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 79 tín chỉ

- Khối lượng các mô đun chung/đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các mô đun chuyên môn: 1979 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 652 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1482 giờ

**3. Nội dung mô đun**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MĐ** | **Tên mô đun/mô đun** | **Số tín chỉ** | **Thời gian học tập (giờ)** | | | |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận** | **Thi/Kiểm**  **tra** |
| **I** | **Các mô đun chung** | **12** | **255** | **94** | **148** | **13** |
| MĐ01 | Chính trị | 2 | 30 | 15 | 13 | 2 |
| MĐ 02 | Pháp luật | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |
| MĐ 03 | Giáo dục thể chất | 1 | 30 | 4 | 24 | 2 |
| MĐ 04 | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 2 | 45 | 21 | 21 | 3 |
| MĐ 05 | Tin học | 2 | 45 | 15 | 29 | 1 |
| MĐ 06 | Ngoại ngữ | 4 | 90 | 30 | 56 | 4 |
| **II** | **Các mô đun chuyên môn** |  |  |  |  |  |
| **II.1** | **Mô đun cơ sở** | **20** | **404** | **221** | **156** | **27** |
| MĐ07 | Giải phẫu - Sinh lý | 3 | 62 | 30 | 29 | 3 |
| MĐ08 | Dược lý | 2 | 32 | 29 |  | 3 |
| MĐ09 | Kỹ năng GT - Giáo dục sức khỏe | 2 | 48 | 15 | 30 | 3 |
| MĐ10 | Dinh dưỡng An toàn thực phẩm | 2 | 32 | 29 |  | 3 |
| MĐ11 | Vi sinh - Ký sinh trùng | 2 | 47 | 15 | 29 | 3 |
| MĐ12 | Tổ chức và quản lý y tế | 2 | 32 | 29 |  | 3 |
| MĐ13 | Điều dưỡng cơ bản – Kỹ thuật điều dưỡng | 3 | 73 | 30 | 40 | 3 |
| MĐ14 | Kiểm soát nhiễm khuẩn | 2 | 46 | 15 | 28 | 3 |
| MĐ15 | Dịch tễ - Sức khỏe môi trường | 2 | 32 | 29 | 0 | 3 |
| **II.2** | **Mô đun chuyên môn** | **47** | **1575** | **337** | **1178** | **60** |
| MĐ16 | Bệnh Nội khoa | 3 | 58 | 45 | 10 | 3 |
| MĐ17 | Bệnh Ngoại khoa | 3 | 58 | 45 | 10 | 3 |
| MĐ18 | Sức khoẻ trẻ em | 3 | 58 | 45 | 10 | 3 |
| MĐ19 | Sức khoẻ sinh sản | 3 | 58 | 45 | 10 | 3 |
| MĐ20 | Bệnh truyền nhiễm, xã hội | 3 | 58 | 45 | 10 | 3 |
| MĐ21 | Bệnh chuyên khoa | 2 | 43 | 30 | 10 | 3 |
| MĐ22 | Y học cổ truyền | 3 | 66 | 45 | 18 | 3 |
| MĐ23 | Y tế cộng đồng | 1 | 18 | 15 |  | 3 |
| MĐ24 | Phục hồi chức năng | 2 | 35 | 22 | 10 | 3 |
| MĐ25 | LS Điều dưỡng CB - KTĐD | 2 | 93 |  | 90 | 3 |
| MĐ26 | Lâm sàng Nội khoa | 2 | 93 |  | 90 | 3 |
| MĐ27 | Lâm sàng Ngoại khoa | 2 | 93 |  | 90 | 3 |
| MĐ28 | Lâm sàng Sản, phụ khoa | 2 | 93 |  | 90 | 3 |
| MĐ29 | Lâm sàng Nhi khoa | 2 | 93 |  | 90 | 3 |
| MĐ30 | Lâm sàng Truyền nhiễm | 2 | 93 |  | 90 | 3 |
| MĐ31 | Thực tập cộng đồng | 2 | 93 |  | 90 | 3 |
| MĐ32 | Lâm sàng Y học cổ truyền | 2 | 93 |  | 90 | 3 |
| MĐ33 | Lâm sàng Phục hồi chức năng | 2 | 93 |  | 90 | 3 |
| MĐ34 | Thực tế nghề nghiệp | 6 | 286 |  | 280 | 6 |
|  | **Tổng cộng** | **79** | **2234** | **652** | **1482** | **100** |

**4. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

4.1. Các mô đun chung bắt buộc được cập nhật điều chỉnh theo Thông tư của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về khối các mô đun chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, hình thức

và nội dung đào tạo đã được xác định đầy đủ và cụ thể trong chương trình đào tạo từng mô đun cụ thể, ngoài ra bố trí cho sinh viên đi thăm quan các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám, trung tâm chăm sóc sức khỏe.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố

trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời gian** |
| 1 | Thể dục, thể thao | 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày |
| 2 | Văn hoá, văn nghệ:  Qua các phương tiện thông tin đại chúng  Sinh hoạt tập thể | Ngoài giờ học hàng ngày  19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) |
| 3 | Hoạt động thư viện  Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần |
| 4 | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật |
| 5 | Đi thực tế  Tham quan các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám, trung tâm chăm sóc sức khỏe.  Tham gia các hoạt động thể dục thể thao tại địa phương | Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của mô đun |

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết mô đun:

Mỗi mô đun được đánh giá bằng 3 loại điểm: Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc mô đun (các điểm này được quy định chi tiết trong từng chương trình mô đun).

- Điểm kiểm tra thường xuyên: do giáo viên giảng dạy mô đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng mô đun thông qua việc kiểm tra vấn đáp trong giờ học, kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút, kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Điểm kiểm tra định kỳ: có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

- Điểm thi kết thúc mô đun: Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc mô đun. Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc mô đun được quy định trong chương trình mô đun.

Điểm mô đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc mô đun có trọng số 0,6;

Điểm trung bình điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm. Trong đó, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2;

4.4. Hướng dẫn thi xét công nhận tốt nghiệp

+ Người học phải học hết chương trình đạo tạo trình độ trung cấp Y sĩ, tích lũy đủ 34 mô đun theo quy định trong chương trình đào tạo trung cấp Y sĩ.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định cho người học thi đánh giá năng lực cuối khóa, điểm đánh giá năng lực cuối khóa hệ số tương đương 5 tín chỉ và phải đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10. Trên cơ sở đó, Hiệu trưởng tổ chức xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.